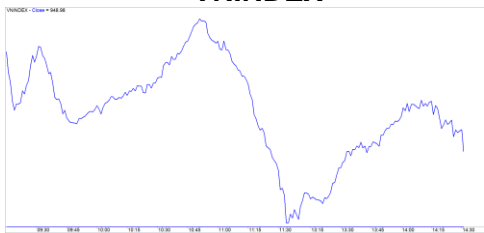


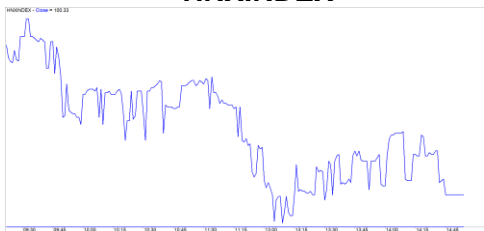
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	948.98	100.33	55.02
% ngày	-1.03%	-1.07%	-1.33%
% tuần	-1.25%	-2.13%	-2.72%
% tháng	-1.51%	-2.12%	-1.61%
% năm	6.93%	-0.93%	4.70%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,983	448	123
TB 1 tuần	3,466	309	219
TB 1 tháng	4,104	389	222
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	1,360.17	10.34	6.35
Bán	1,520.35	7.97	5.80
Giá trị ròng	-160.17	2.37	0.56
Độ rộng TT			
Mã Tăng	74	44	142
Mã Giảm	231	89	119
Không Đổi	85	238	642
Chỉ số chính			
P/E	15.67	8.93	16.78
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,280	190	922
LS Cổ tức	2.33%	4.63%	4.20%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường phản ứng thận trọng ngay từ đầu phiên khi VN-Index giảm hơn 4 điểm. Lực bán chiếm áp đảo khiến chỉ số đóng cửa giảm 9.9 điểm tương ứng 1.03% dừng tại 948.98 điểm. Tương tự, chỉ số HNX-Index giảm 1.07% neo tại 100.33 điểm, Upcom-Index giảm 1.33% chốt tại 55.02 điểm. Giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường gia tăng lên mức 3,200 tỷ đồng cho thấy áp lực bán áp đảo. Độ rộng thị trường tiêu cực với VN-Index có 263 mã giảm và 78 mã tăng.

Thị trường diễn biến thận trọng khi lực bán lan rộng. Trong đó, nhóm Bất động sản bị bán ra ở nhiều cổ phiếu như NVL(-4.1%), REE(-2.6%), VRE(-3.7%), VHM(-1.6%) hay LDG(-7%), HDC(-6%), DXG(-4.3%). GAS suy yếu từ vùng 99,000 đồng đóng cửa giảm nhẹ.

Vẫn có những cổ phiếu đi ngược thị trường như PDR sau phiên giảm sàn đã hồi phục khi tăng hết biên độ đóng cửa tại 25,550 đồng/cp. BID là “ngôi sao sáng” duy nhất trong nhóm Ngân hàng khi trụ tại mức giá 47,100 đồng tăng 0.9%. BID, VNM là 2 mã đi ngược thị trường trong VN30-Index.

Khối ngoại bán ròng với giá trị đạt 157.2 tỷ đồng. CTG(237.9 tỷ) dẫn đầu danh sách bán ròng chủ yếu thông qua hình thức thỏa thuận. Ở chiều ngược lại, VNM(66.5 tỷ), HPG(31 tỷ) dẫn đầu ở chiều mua ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng tâm lý bi quan có thể sẽ còn tiếp diễn trong phiên kế tiếp và chỉ số VN-Index có thể dần hồi phục về cuối phiên quanh mức 950 điểm. Đồng thời, đồ thị giá của chỉ số VN-Index có dấu hiệu hình thành mô hình phân kỳ tam đoạn tăng giá – Mô hình này đã hình thành vào thời điểm tháng 06/2019 cho nên chúng tôi vẫn đánh giá cao kịch bản chỉ số VN-Index có thể giữ được mức 950 điểm, ở kịch bản tiêu cực là chỉ số VN-Index có thể sẽ giảm về mức thấp hơn là 943 điểm. Ngoài ra, tâm lý nhà đầu tư tiếp tục tỏ ra bi quan với diễn biến hiện tại.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 967.13 điểm của chỉ số VN-Index và 103.28 điểm của chỉ số HNX-Index. Đồng thời, chúng tôi hạ mức xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN30 từ mức TĂNG xuống GIẢM. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể cơ cấu lại danh mục để hạ tỷ trọng cổ phiếu.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 34% cổ phiếu/66% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.00	GIẢM	GIẢM		13.16				14.43		
ACB	22.10	GIẢM	GIẢM		23.20			24.00	22.57	-5.95%	
ACV	73.50	GIẢM	GIẢM		76.94				78.74		
ANV	22.10	TĂNG	GIẢM	22.80	21.77	-3.07%			24.61		
ASM	6.50	GIẢM	GIẢM		6.90				7.24		
BFC	11.35	GIẢM	GIẢM		12.17				13.57		
BID	47.10	TĂNG	TĂNG	41.90	44.99	12.41%		33.40	40.49	41.02%	
BMP	44.00	GIẢM	GIẢM		46.64				51.02		
BSR	8.10	GIẢM	GIẢM		8.64				9.76		
BVH	66.00	GIẢM	GIẢM		70.72				73.44		
BWE	22.55	GIẢM	GIẢM		23.58				24.77		
CEO	8.70	GIẢM	GIẢM		9.43				9.80		
CII	21.80	GIẢM	GIẢM	23.10	22.01	-4.71%	BÁN		24.76		
CMG	35.80	GIẢM	TĂNG		37.36			23.20	34.96	54.31%	
CMX	13.20	GIẢM	GIẢM		15.34				20.03		
CSM	14.30	TĂNG	GIẢM	14.30	13.56	0.00%			14.87		
CTD	50.40	GIẢM	GIẢM		55.83				66.51		
CTG	21.65	TĂNG	GIẢM	20.60	20.76	5.10%			21.78		
CTR	39.90	GIẢM	N/A		42.57			-	N/A		
CVT	19.85	GIẢM	GIẢM		20.90				22.74		
DCM	6.01	GIẢM	GIẢM		6.44				7.12		
DGC	23.10	GIẢM	GIẢM		25.44				28.84		
DGW	22.30	TĂNG	GIẢM	23.25	21.97	-4.09%			24.94		
DHA	31.95	TĂNG	GIẢM	31.85	28.74	0.31%			32.52		
DHC	36.10	GIẢM	TĂNG		38.73			37.70	36.02	-4.24%	
DHG	86.00	GIẢM	GIẢM		93.12				98.80		
DIG	12.95	GIẢM	GIẢM	14.00	13.39	-4.38%	BÁN		14.69		
DPG	36.45	GIẢM	GIẢM		39.79				48.35		
DPM	12.50	GIẢM	GIẢM		13.12				14.36		
DPR	39.70	TĂNG	TĂNG	40.50	38.30	-1.98%		41.30	35.60	-3.87%	
DQC	15.70	TĂNG	GIẢM	16.20	15.62	-3.09%			17.29		
DRC	24.30	TĂNG	TĂNG	24.10	23.51	0.83%		21.60	21.25	12.50%	
DXG	13.30	GIẢM	GIẢM		14.63				16.12		
EIB	17.30	TĂNG	TĂNG	17.80	16.32	-2.81%		18.40	16.46	-5.98%	
FCN	9.95	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		

We Create Fortune

FMC	25.60	GIẢM	TĂNG		26.83			31.60	24.76	-18.99%	
FPT	56.80	TĂNG	TĂNG	57.00	56.51	-0.35%		46.00	54.99	23.48%	
GAS	97.00	TĂNG	GIẢM	97.80	93.59	-0.82%			104.62		
GEX	19.65	TĂNG	GIẢM	20.50	18.92	-4.15%			21.00		
GIL	16.70	GIẢM	GIẢM		17.71				19.38		
GMD	21.00	GIẢM	GIẢM		22.94				25.29		
GTN	18.00	GIẢM	GIẢM		20.24				23.85		
GVR	10.80	TĂNG	N/A	11.70	10.59	-7.69%			N/A		
HAG	3.91	TĂNG	GIẢM	3.86	3.89	1.30%			4.22		
HAX	14.25	GIẢM	GIẢM		16.59				20.14		
HBC	10.95	TĂNG	GIẢM	10.70	10.57	2.34%			12.34		
HCM	20.55	GIẢM	GIẢM		21.89				23.78		
HDB	26.70	TĂNG	GIẢM	27.55	26.52	-3.09%			29.24		
HDC	22.60	GIẢM	TĂNG	23.10	23.48	1.63%	BÁN	15.25	21.08	48.20%	
HDG	31.00	GIẢM	GIẢM		31.13				34.05		
HNG	14.05	GIẢM	GIẢM		14.53				15.49		
HPG	23.45	TĂNG	TĂNG	24.00	23.26	-2.29%		23.85	22.11	-1.68%	
HSG	7.87	GIẢM	TĂNG		8.30			7.75	7.30	1.55%	
HT1	14.00	GIẢM	TĂNG		15.27			16.90	13.91	-17.16%	
HUT	2.30	GIẢM	GIẢM		2.57				2.71		
HVN	32.50	GIẢM	GIẢM		34.63				36.93		
KBC	15.20	TĂNG	TĂNG	15.25	14.71	-0.33%		15.35	14.00	-0.98%	
KDH	25.50	GIẢM	TĂNG		26.95			24.00	24.98	6.25%	
KSB	15.85	GIẢM	GIẢM		17.05				19.42		
LCG	7.51	GIẢM	GIẢM		8.23				8.76		
LDG	7.86	GIẢM	GIẢM		8.94				10.08		
LHG	15.55	GIẢM	GIẢM	16.45	15.66	-4.81%	BÁN		16.89		
LPB	7.40	TĂNG	GIẢM	7.60	7.40	-2.63%			8.05		
MBB	20.70	GIẢM	GIẢM		21.54				22.70		
MPC	23.70	TĂNG	TĂNG	20.10	21.43	17.91%			23.55		
MSN	56.00	TĂNG	GIẢM	57.50	53.52	-2.61%			63.22		
MSR	14.90	TĂNG	GIẢM	14.40	14.77	3.47%			16.05		
MWG	112.80	TĂNG	GIẢM	113.40	112.38	-0.53%			122.49		
NDN	16.00	GIẢM	GIẢM		17.54			13.70	16.31	19.04%	
NKG	7.92	TĂNG	TĂNG	7.38	7.26	7.32%		7.11	6.07	11.39%	
NLG	26.35	GIẢM	TĂNG		27.68			28.70	26.30	-8.19%	
NT2	20.50	GIẢM	GIẢM		21.92				23.29		
NTL	21.10	GIẢM	TĂNG		23.95			24.20	20.87	-12.81%	
NVL	54.00	GIẢM	GIẢM		58.37				60.29		

We Create Fortune

OIL	8.20	GIẢM	GIẢM		8.75				9.54		
PAC	24.50	GIẢM	GIẢM	25.80	24.79	-3.93%	BÁN		27.41		
PC1	17.00	GIẢM	GIẢM		18.06				19.87		
PDR	25.55	GIẢM	TĂNG		26.23			29.00	25.19	-11.90%	
PHR	37.50	GIẢM	GIẢM		42.14				50.78		
PLX	55.70	TĂNG	GIẢM	57.10	55.54	-2.45%			60.01		
PNJ	85.10	TĂNG	TĂNG	84.70	84.36	0.47%		77.07	78.71	10.42%	
POW	10.75	GIẢM	GIẢM		11.91				13.38		
PVT	16.05	GIẢM	GIẢM		16.94			18.30	16.28	-11.05%	
PPC	25.15	GIẢM	TĂNG		27.05			28.40	24.39	-11.44%	
PTB	67.00	GIẢM	GIẢM		71.73			64.00	68.51	7.04%	
PVB	18.30	GIẢM	GIẢM		18.85				20.57		
PVD	15.65	TĂNG	GIẢM	15.85	15.06	-1.26%			16.61		
PVI	32.10	TĂNG	GIẢM	32.30	30.42	-0.62%			33.51		
PVS	18.90	TĂNG	GIẢM	17.80	17.85	6.18%			19.30		
PXS	5.70	TĂNG	TĂNG	5.78	5.34	-1.38%		6.20	4.88	-8.06%	
QNS	26.60	GIẢM	GIẢM		27.58			33.26	28.38	-14.67%	BÁN
REE	35.70	TĂNG	TĂNG	36.95	35.52	-3.38%		33.33	35.23	7.13%	
SAB	223.20	GIẢM	GIẢM		230.40				253.49		
SAM	8.82	TĂNG	TĂNG	8.15	8.62	8.22%		7.40	7.58	19.19%	
SCR	5.48	GIẢM	TĂNG		6.10			6.33	5.21	-13.43%	
SHI	9.10	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	30.19%	
SJS	16.30	TĂNG	TĂNG	17.00	15.99	-4.12%		17.00	14.02	-4.12%	
SKG	11.75	GIẢM	TĂNG	11.60	12.28	5.83%	BÁN	12.30	10.97	-4.47%	
SSI	17.75	GIẢM	GIẢM		18.75				20.14		
STB	9.98	GIẢM	GIẢM		10.28				10.80		
TCB	22.75	GIẢM	GIẢM	23.45	23.05	-1.72%	BÁN		24.80		
TCM	20.65	TĂNG	GIẢM	20.95	19.32	-1.43%			21.83		
TDH	10.30	TĂNG	GIẢM	10.50	10.03	-1.90%			11.10		
TLH	4.33	TĂNG	TĂNG	4.06	4.26	6.65%		4.48	3.94	-3.35%	
TNG	15.40	TĂNG	GIẢM	15.10	14.97	1.99%			16.69		
VCB	87.00	GIẢM	TĂNG	87.50	87.37	-0.15%	BÁN	62.00	83.28	40.32%	
VCG	25.40	GIẢM	TĂNG		26.52			19.20	25.28	32.29%	
VCS	67.30	GIẢM	GIẢM		72.44				91.56		
VGC	18.00	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-2.17%			19.23		
VGT	8.20	TĂNG	GIẢM	8.90	7.96	-7.87%			8.95		
VHC	40.45	TĂNG	GIẢM	40.60	37.91	-0.37%			41.92		
VHM	82.50	GIẢM	GIẢM		86.95				92.59		
VIB	16.90	GIẢM	TĂNG	17.40	17.14	-1.47%	BÁN	17.70	16.56	-4.52%	



We Create Fortune

VIC	114.30	GIẢM	TĂNG		116.99			112.00	113.76	2.05%	
VIP	5.00	GIẢM	GIẢM		5.09				5.30		
VJC	144.80	GIẢM	TĂNG		147.95			124.50	138.01	16.31%	
VND	14.10	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	0.00%			14.88		
VNG	19.15	GIẢM	GIẢM	20.00	19.19	-4.06%	BÁN		20.99		
VNM	118.80	GIẢM	GIẢM		120.32				126.60		
VPB	20.10	TĂNG	GIẢM	20.00	19.84	0.50%			21.28		
VPI	42.20	TĂNG	TĂNG	42.45	41.25	-0.59%		41.30	39.68	2.18%	
VRC	11.80	GIẢM	GIẢM		16.52				25.85		
VRE	32.70	GIẢM	TĂNG	34.50	32.97	-4.42%	BÁN	35.05	32.08	-6.70%	
VSC	26.60	TĂNG	TĂNG	25.45	26.24	4.52%		27.00	23.49	-1.48%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.10	GIẢM	GIẢM		23.20			24.00	22.57	-5.95%	
BID	47.10	TĂNG	TĂNG	41.90	44.99	12.41%		33.40	40.49	41.02%	
BSR	8.10	GIẢM	GIẢM		8.64				9.76		
BVH	66.00	GIẢM	GIẢM		70.72				73.44		
CTG	21.65	TĂNG	GIẢM	20.60	20.76	5.10%			21.78		
FPT	56.80	TĂNG	TĂNG	57.00	56.51	-0.35%		40.23	54.99	41.20%	
GAS	97.00	TĂNG	GIẢM	97.80	93.59	-0.82%			104.62		
GEX	19.65	TĂNG	GIẢM	20.50	18.92	-4.15%			21.00		
GVR	10.80	TĂNG	N/A	11.70	10.59	-7.69%			N/A		
HDB	26.70	TĂNG	GIẢM	27.55	26.52	-3.09%			29.24		
HNG	14.05	GIẢM	GIẢM		14.53				15.49		
HPG	23.45	TĂNG	TĂNG	24.00	23.26	-2.29%		23.85	22.11	-1.68%	
HVN	32.50	GIẢM	GIẢM		34.63				36.93		
KDH	25.50	GIẢM	TĂNG		26.95			24.00	24.98	6.25%	
MBB	20.70	GIẢM	GIẢM		21.54				22.70		
MSN	56.00	TĂNG	GIẢM	57.50	53.52	-2.61%			63.22		
MWG	112.80	TĂNG	GIẢM	113.40	112.38	-0.53%			122.49		
NVL	54.00	GIẢM	GIẢM		58.37				60.29		
OIL	8.20	GIẢM	GIẢM		8.75				9.54		
PLX	55.70	TĂNG	GIẢM	57.10	55.54	-2.45%			60.01		
PNJ	85.10	TĂNG	TĂNG	84.70	84.36	0.47%		77.07	78.71	10.42%	
POW	10.75	GIẢM	GIẢM		11.91				13.38		

We Create Fortune

QNS	26.60	GIẢM	GIẢM		27.58			33.26	28.38	-14.67%	BÁN
REE	35.70	TĂNG	TĂNG	36.95	35.52	-3.38%		33.33	35.23	7.13%	
ROS	14.00	GIẢM	GIẢM		16.32				24.79		
SBT	18.60	TĂNG	TĂNG	18.60	18.09	0.00%		17.50	17.46	6.29%	
SSI	17.75	GIẢM	GIẢM		18.75				20.14		
STB	9.98	GIẢM	GIẢM		10.28				10.80		
TCB	22.75	GIẢM	GIẢM	23.45	23.05	-1.72%	BÁN		24.80		
TPB	20.90	GIẢM	GIẢM		21.51				23.94		
VCB	87.00	GIẢM	TĂNG	87.50	87.37	-0.15%	BÁN	62.00	83.28	40.32%	
VCG	25.40	GIẢM	TĂNG		26.52			18.44	25.28	37.74%	
VCS	67.30	GIẢM	GIẢM		72.44				91.56		
VEA	42.70	TĂNG	GIẢM	45.50	42.37	-6.15%			59.45		
VGI	23.20	GIẢM	N/A	26.80	24.48	-8.65%	BÁN		N/A		
VHM	82.50	GIẢM	GIẢM		86.95				92.59		
VIB	16.90	GIẢM	TĂNG	17.40	17.14	-1.47%	BÁN	15.00	16.56	12.63%	
VIC	114.30	GIẢM	TĂNG		116.99			112.00	113.76	2.05%	
VJC	144.80	GIẢM	TĂNG		147.95			124.50	138.01	16.31%	
VNM	118.80	GIẢM	GIẢM		120.32				126.60		
VPB	20.10	TĂNG	GIẢM	20.00	19.84	0.50%			21.28		
VRE	32.70	GIẢM	TĂNG	34.50	32.97	-4.42%	BÁN	35.05	32.08	-6.70%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.00	GIẢM	GIẢM		13.16				14.43		
ANV	22.10	TĂNG	GIẢM	22.80	21.77	-3.07%			24.61		
ASM	6.50	GIẢM	GIẢM		6.90				7.24		
BMI	25.40	TĂNG	TĂNG	25.65	24.39	-0.97%		26.70	23.99	-4.87%	
BMP	44.00	GIẢM	GIẢM		46.64				51.02		
BWE	22.55	GIẢM	GIẢM		23.58				24.77		
CEO	8.70	GIẢM	GIẢM		9.43				9.80		
CII	21.80	GIẢM	GIẢM	23.10	22.01	-4.71%	BÁN		24.76		
CRE	24.60	TĂNG	GIẢM	24.20	24.13	1.65%		25.00	24.70	-1.21%	MUA
CTI	21.90	TĂNG	GIẢM	21.80	21.07	0.46%			23.07		
CTR	39.90	GIẢM	GIẢM		42.57				49.48		
D2D	65.30	GIẢM	GIẢM		73.08			83.10	73.17	-11.95%	
DBD	54.50	GIẢM	TĂNG		57.17			38.65	54.36	41.00%	

We Create Fortune

DCM	6.01	GIẢM	GIẢM		6.44				7.12		
DGW	22.30	TĂNG	GIẢM	23.25	21.97	-4.09%			24.94		
DHC	36.10	GIẢM	TĂNG		38.73			37.70	36.02	-4.24%	
DIG	12.95	GIẢM	GIẢM	14.00	13.39	-4.38%	BÁN		14.69		
DPG	36.45	GIẢM	GIẢM		39.79				48.35		
DPM	12.50	GIẢM	GIẢM		13.12				14.36		
DRC	24.30	TĂNG	TĂNG	24.10	23.51	0.83%		21.60	21.25	12.50%	
DXG	13.30	GIẢM	GIẢM		14.63				16.12		
E1VFN30	14.43	TĂNG	GIẢM	14.76	14.42	-2.24%			15.42		
FCN	9.95	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		
FLC	4.28	GIẢM	TĂNG		4.85			4.63	4.02	-7.56%	
GEG	26.10	GIẢM	TĂNG		27.19			12.50	25.77	108.76%	
GMD	21.00	GIẢM	GIẢM		22.94				25.29		
GTN	18.00	GIẢM	GIẢM		20.24				23.85		
HAG	3.91	TĂNG	GIẢM	3.86	3.89	1.30%			4.22		
HBC	10.95	TĂNG	GIẢM	10.70	10.57	2.34%			12.34		
HCM	20.55	GIẢM	GIẢM		21.89				23.78		
HDC	22.60	GIẢM	TĂNG	23.10	23.48	1.63%	BÁN	15.25	21.08	48.20%	
HDG	31.00	GIẢM	GIẢM		31.13				34.05		
HPX	26.40	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-4.00%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.87	GIẢM	TĂNG		8.30			7.75	7.30	1.55%	
HT1	14.00	GIẢM	TĂNG		15.27			16.90	13.91	-17.16%	
HTM	19.20	TĂNG	TĂNG	16.00	16.56	20.00%			18.47		
IBC	20.30	GIẢM	GIẢM		20.60				21.22		
IDI	5.00	GIẢM	GIẢM		5.30				5.89		
IJC	14.80	GIẢM	TĂNG	14.65	15.37	4.89%	BÁN	13.10	13.45	12.98%	
ITA	2.70	TĂNG	GIẢM	2.87	2.65	-5.92%			3.09		
KBC	15.20	TĂNG	TĂNG	15.25	14.71	-0.33%		14.85	14.00	2.38%	
KDC	19.60	TĂNG	TĂNG	19.50	18.52	0.51%		20.82	18.08	-5.84%	
KOS	27.90	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	4.10%		26.30	25.20	6.08%	
KSB	15.85	GIẢM	GIẢM		17.05				19.42		
LDG	7.86	GIẢM	GIẢM		8.94				10.08		
LPB	7.40	TĂNG	GIẢM	7.60	7.40	-2.63%			8.05		
MBG	15.80	GIẢM	GIẢM		24.23				39.37		
MBS	14.50	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	-1.36%			15.75		
MPC	23.70	TĂNG	TĂNG	20.10	21.43	17.91%			23.55		
NBB	19.70	GIẢM	GIẢM		20.91				22.02		
NKG	7.92	TĂNG	TĂNG	7.38	7.26	7.32%		7.11	6.07	11.39%	



We Create Fortune

NLG	26.35	GIẢM	TĂNG		27.68			26.28	26.30	0.26%	
NT2	20.50	GIẢM	GIẢM		21.92				23.29		
NTL	21.10	GIẢM	TĂNG		23.95			24.20	20.87	-12.81%	
NVB	9.20	GIẢM	TĂNG		9.84			8.50	8.62	8.24%	
OGC	3.54	GIẢM	GIẢM		3.67				4.01		
PC1	17.00	GIẢM	GIẢM		18.06				19.87		
PDR	25.55	GIẢM	TĂNG		26.23			23.59	25.19	8.29%	
PHR	37.50	GIẢM	GIẢM		42.14				50.78		
PPC	25.15	GIẢM	TĂNG		27.05			28.40	24.39	-11.44%	
PTB	67.00	GIẢM	GIẢM		71.73			60.78	68.51	12.71%	
PVD	15.65	TĂNG	GIẢM	15.85	15.06	-1.26%			16.61		
PVI	32.10	TĂNG	GIẢM	32.30	30.42	-0.62%			33.51		
PVS	18.90	TĂNG	GIẢM	17.80	17.85	6.18%			19.30		
PVT	16.05	GIẢM	GIẢM		16.94			17.31	16.28	-5.94%	
QCG	3.61	GIẢM	GIẢM		3.94				4.68		
SCR	5.48	GIẢM	TĂNG		6.10			6.33	5.21	-13.43%	
SGP	7.00	GIẢM	GIẢM		7.38				8.99		
SHB	6.40	TĂNG	GIẢM	6.40	6.19	0.00%			6.72		
SHS	7.30	GIẢM	GIẢM		7.92			8.40	7.36	-12.38%	
SZC	16.85	GIẢM	GIẢM	17.85	16.99	-4.83%	BÁN		19.60		
TCH	34.20	TĂNG	TĂNG	30.05	32.35	13.81%		26.15	26.28	30.78%	
TCM	20.65	TĂNG	GIẢM	20.95	19.32	-1.43%			21.83		
TDH	10.30	TĂNG	GIẢM	10.50	10.03	-1.90%			11.10		
TNG	15.40	TĂNG	GIẢM	15.10	14.97	1.99%			16.69		
TTB	3.77	GIẢM	GIẢM		4.44				7.60		
VGC	18.00	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-2.17%			19.23		
VGT	8.20	TĂNG	GIẢM	8.90	7.96	-7.87%			8.95		
VHC	40.45	TĂNG	GIẢM	40.60	37.91	-0.37%			41.92		
VND	14.10	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	0.00%			14.88		
VNG	19.15	GIẢM	GIẢM	20.00	19.19	-4.06%	BÁN		20.99		
VPI	42.20	TĂNG	TĂNG	42.45	41.25	-0.59%		41.30	39.68	2.18%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.40	TĂNG	GIẢM	8.30	8.15	1.20%			8.97		
AGR	3.42	TĂNG	GIẢM	3.59	3.35	-4.74%			3.93		



We Create Fortune

AMD	1.97	GIẢM	GIẢM		2.34			2.98		
APG	9.77	TĂNG	TĂNG	8.76	9.49	11.53%		9.90	8.56	-1.31%
ART	2.40	GIẢM	TĂNG		2.86			2.30	2.12	4.35%
BCG	6.89	GIẢM	GIẢM		7.31			6.39	7.47	16.89%
C4G	5.70	GIẢM	GIẢM		6.55				6.98	
C69	6.80	GIẢM	GIẢM		8.49				15.84	
CCL	7.50	TĂNG	TĂNG	6.80	7.49	10.29%		7.88	5.92	-4.82%
CVT	19.85	GIẢM	GIẢM		20.90				22.74	
DAH	8.60	GIẢM	GIẢM		10.16				11.27	
DLG	2.38	TĂNG	TĂNG	1.80	2.03	32.22%		1.71	1.61	39.18%
DRH	3.32	GIẢM	GIẢM		3.89				5.75	
DTD	10.10	GIẢM	GIẢM	11.10	10.41	-6.24%	BÁN		12.54	
EVG	2.54	GIẢM	GIẢM		2.69				2.90	
FIT	9.52	TĂNG	TĂNG	4.49	9.43	112.03%		3.64	8.91	161.54%
FTM	1.99	TĂNG	GIẢM	2.21	1.97	-9.95%			4.03	
FUES SV50	12.50	GIẢM	GIẢM		12.78				13.06	
GKM	15.30	TĂNG	TĂNG	15.00	14.78	2.00%		14.90	14.22	2.68%
HAH	11.25	GIẢM	GIẢM		11.86				13.27	
HAI	2.88	GIẢM	GIẢM		3.44			1.88	3.16	68.18%
HAR	3.19	GIẢM	GIẢM		4.07				5.48	
HDA	9.30	GIẢM	GIẢM		10.36				11.43	
HHP	12.20	TĂNG	GIẢM	12.20	11.66	0.00%			13.13	
HHS	3.07	GIẢM	TĂNG		3.36			3.36	2.97	-8.63%
HID	2.31	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	-2.12%		2.63	2.16	-12.17%
HII	9.21	GIẢM	GIẢM		9.80				10.98	
HQC	1.08	GIẢM	GIẢM		1.22			1.16	1.08	-6.84%
HSL	7.44	GIẢM	GIẢM		7.82				8.77	
HUT	2.30	GIẢM	GIẢM		2.57				2.71	
HVG	8.60	TĂNG	TĂNG	7.82	7.93	9.97%		3.90	6.94	120.51%
HVH	14.80	TĂNG	GIẢM	15.85	13.95	-6.62%			19.76	
IDJ	6.30	GIẢM	TĂNG		6.44			7.20	5.42	-12.50%
JVC	3.45	GIẢM	GIẢM		3.68				4.33	
KLF	1.50	GIẢM	TĂNG		1.83			1.50	1.33	0.00%
LCG	7.51	GIẢM	GIẢM		8.23				8.76	
LGL	7.95	GIẢM	GIẢM		8.25				8.86	
LHG	15.55	GIẢM	GIẢM	16.45	15.66	-4.81%	BÁN		16.89	
LMH	5.96	GIẢM	GIẢM		7.50				13.37	
MST	5.20	GIẢM	TĂNG		5.40			3.40	4.23	52.94%



We Create Fortune

NDN	16.00	GIẢM	GIẢM		17.54			13.10	16.31	24.46%	
PHC	11.10	TĂNG	GIẢM	11.30	10.75	-1.77%			11.99		
PLP	9.20	GIẢM	GIẢM		10.10				11.35		
PVB	18.30	GIẢM	GIẢM		18.85				20.57		
PVC	6.80	TĂNG	TĂNG	7.00	6.69	-2.86%		6.70	6.66	1.49%	
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.32				1.46		
PXL	8.20	TĂNG	TĂNG	8.40	7.88	-2.38%		6.70	6.64	22.39%	
SHI	9.10	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	57.84%	
SJF	1.96	GIẢM	GIẢM		2.25				2.71		
SPP	1.80	GIẢM	GIẢM		2.15				2.60		
TDC	8.49	TĂNG	GIẢM	8.75	8.26	-2.97%			9.04		
TIG	6.50	GIẢM	TĂNG		7.05			3.20	5.54	103.13%	
TLH	4.33	TĂNG	TĂNG	4.06	4.26	6.65%		4.48	3.94	-3.35%	
TNA	18.80	GIẢM	GIẢM		22.68				28.30		
TNI	10.15	GIẢM	TĂNG		10.75			10.90	9.99	-6.88%	
TSC	2.65	GIẢM	GIẢM	2.95	2.78	-5.86%	BÁN		3.45		
TTF	2.59	GIẢM	GIẢM	2.74	2.60	-5.23%	BÁN		3.03		
TTH	2.50	GIẢM	GIẢM		2.67				3.00		
TVC	18.80	TĂNG	TĂNG	16.90	17.30	11.24%		14.30	15.80	31.47%	
VC3	17.00	TĂNG	TĂNG	17.00	16.98	0.00%	MUA	22.00	16.32	-22.73%	
VCR	10.70	GIẢM	GIẢM		12.62				17.11		
VNA	2.90	GIẢM	GIẢM		3.37				4.40		
VNE	3.55	GIẢM	GIẢM		3.78				3.70		
VRC	11.80	GIẢM	GIẢM		16.52				25.85		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	948.98	-1.03%
VN30	865.18	-1.31%
VN Mid	913.99	-1.59%
VN Small	752	-1.69%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	100.33	-1.07%
HN30	176.85	-0.95%
VNX AllSh	831.99	-1.33%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	55.02	-1.33%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1360.17	
Bán	1520.35	
GT rỗng	-160.17	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	10.34	
Bán	7.97	
GT rỗng	2.37	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	6.35	
Bán	5.80	
GT rỗng	0.56	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PDR	1650	6.90%
BCG	440	6.82%
CTF	800	3.69%
HDG	800	2.65%
NKG	190	2.46%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TAR	900	3.31%
TVC	600	3.30%
VC3	500	3.03%
AMV	600	2.56%
NVB	100	1.10%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HTM	700	3.78%
MPC	500	2.16%
BOT	0	0.00%
LPB	0	0.00%
OIL	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
LDG	-590	-6.98%
ROS	-1050	-6.98%
THI	-2050	-6.95%
IJC	-1100	-6.92%
HAI	-210	-6.80%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MBG	-1700	-9.71%
DGC	-1200	-4.94%
TNG	-700	-4.35%
SHS	-300	-3.95%
NDN	-600	-3.61%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SIP	-3600	-3.93%
GVR	-400	-3.57%
C4G	-200	-3.39%
VEA	-1400	-3.17%
BSR	-200	-2.41%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	386,612	
VCB	322,672	
VHM	271,385	
VNM	206,876	
BID	189,437	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	36,609	
VCG	11,219	
VCS	10,768	
PVS	9,034	
SHB	7,700	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	159,655	
VEA	56,685	
MCH	50,024	
GVR	43,572	
BCM	29,105	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
CTG	65,576,214	0
HVG	51,500,356	0
DLG	12,089,860	1
ROS	11,301,910	0
FLC	8,294,610	0

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	18,956,178	0
PVS	4,916,353	0
ACB	2,304,937	0
KLF	2,250,900	0
ART	1,649,472	0

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	3,326,547	0
VIB	516,075	0
GVR	504,554	0
PXL	455,247	0
C4G	374,100	0

Nguồn: Bloomberg & YSVN

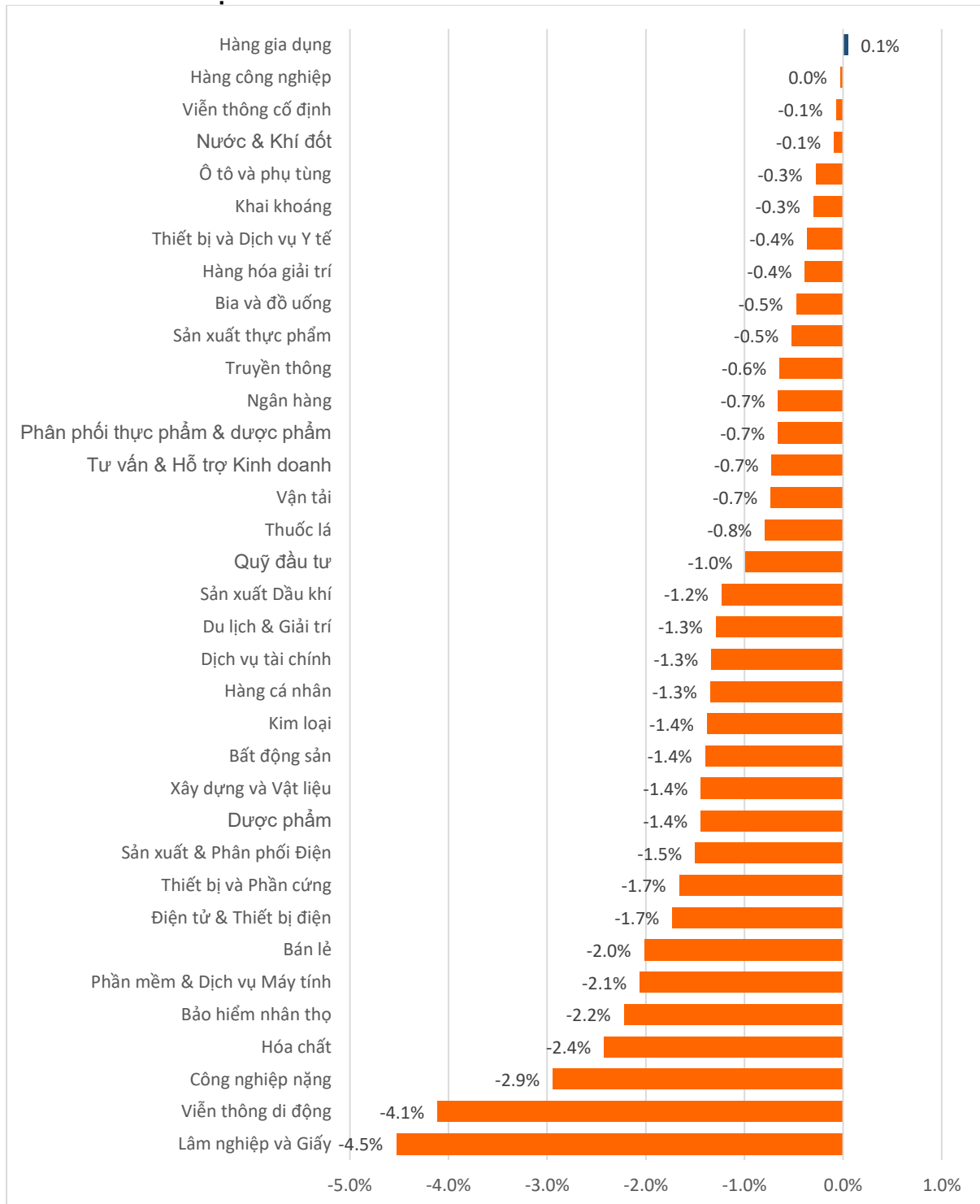
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



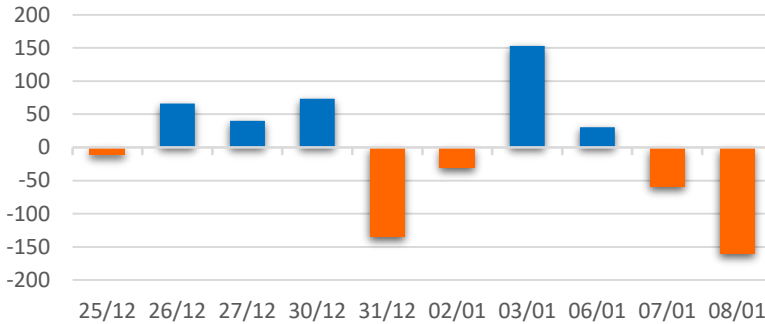
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

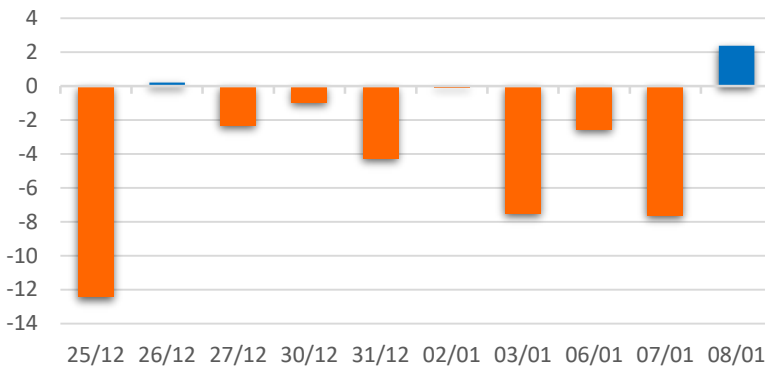
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	66,529	CTG	237,915
HPG	31,078	POW	20,328
E1VFN30	27,414	HDB	15,794
MSN	16,681	GAS	12,723
BID	14,687	PDR	11,602

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

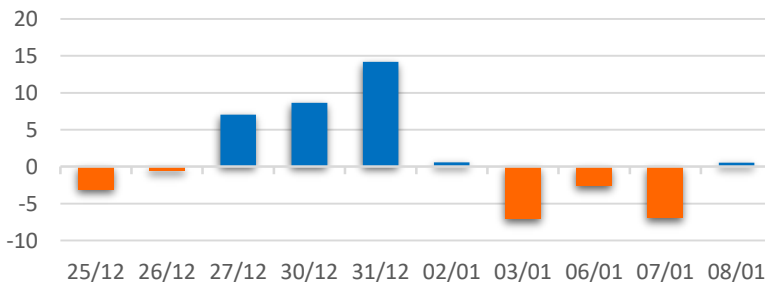
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	1,923	INN	494
TIG	457	HUT	340
LAS	321	CEO	292
SLS	303	VCS	231
CDN	251	SRA	174

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	1,490	BSR	2,069
ACV	742	MPC	1,322
VEA	664	VLC	100
VAV	180	CTR	79
RCD	96	MCH	63

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



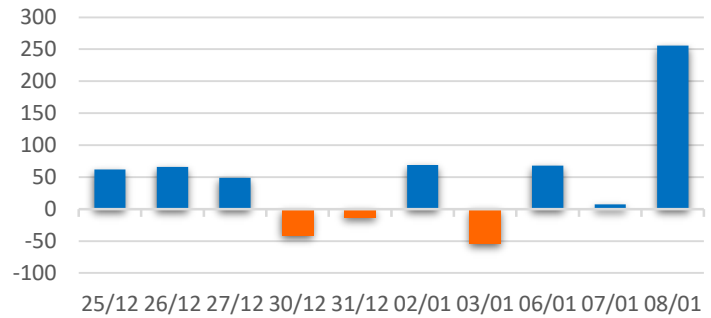
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

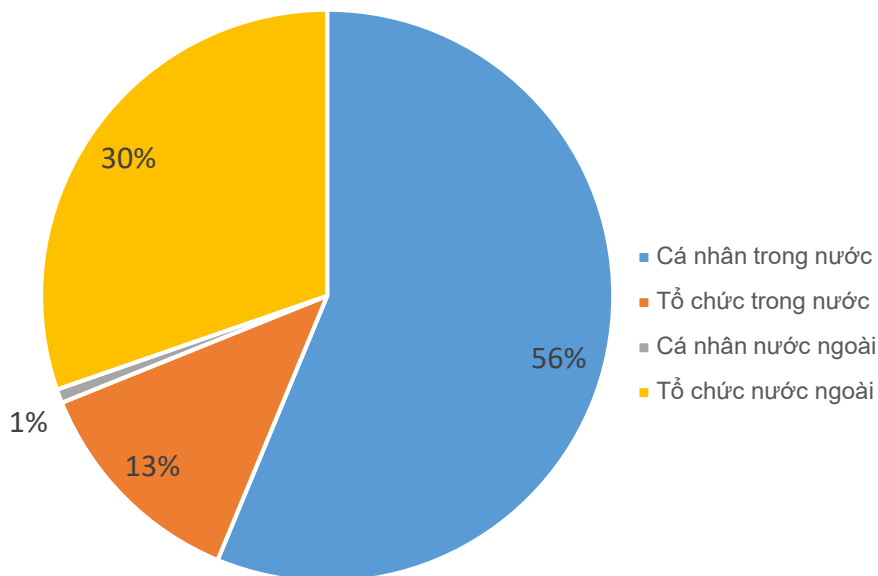
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
CTG	283,876	E1VFN30	27,435
FPT	12,295	THI	15,775
MWG	5,843	MBB	11,675
VCB	4,921	FPT	10,832
VNM	4,394	REE	6,614

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

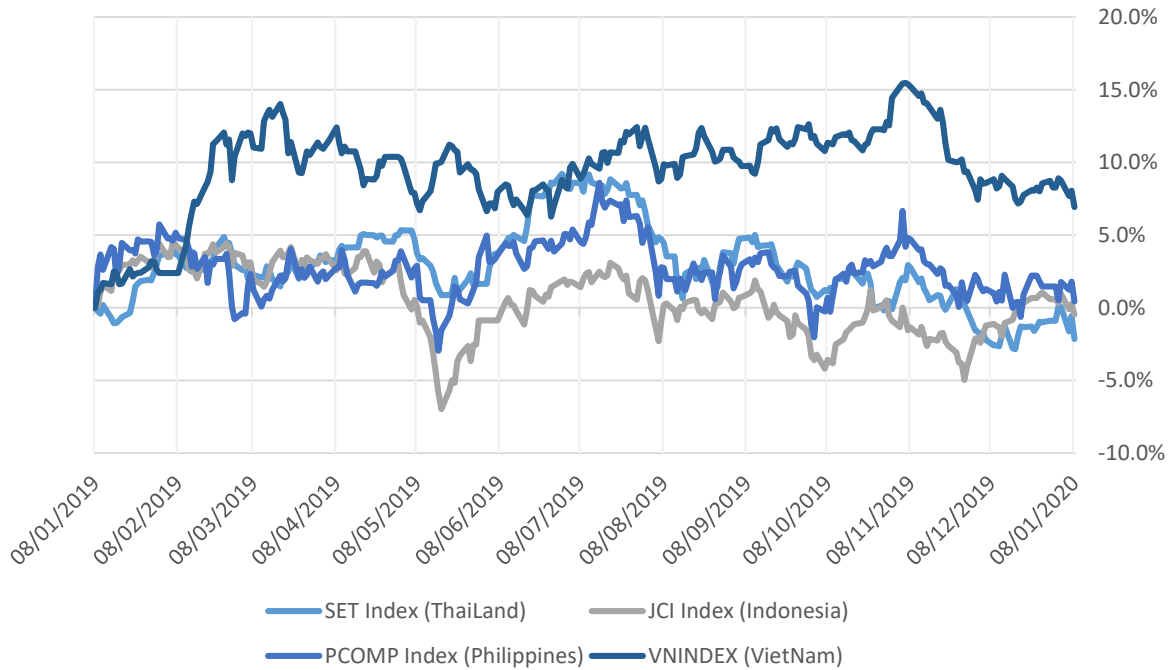


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

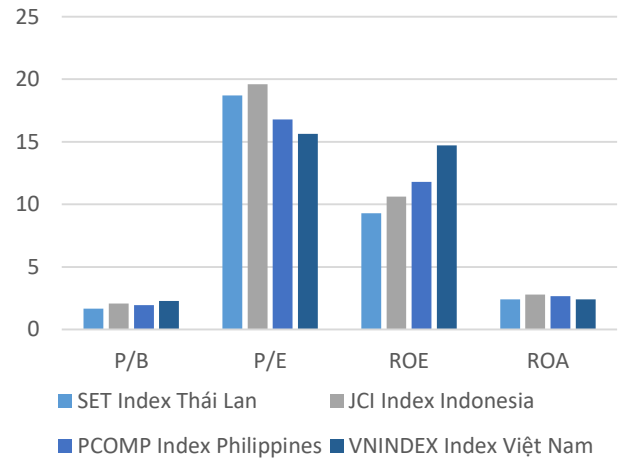
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.1x	1.9x	2.3x
P/E		18.7x	19.6x	16.8x	15.6x
ROE	%	9.28	10.61	11.79	14.70
ROA	%	2.41	2.80	2.66	2.41
Vốn hóa	Tỷ USD	553.42	522.67	193.05	141.26
GTGD	Triệu USD	1.74	0.36	0.08	0.09
LS cổ tức	%	3.30	2.44	1.62	2.07

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qué

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written